

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2019
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Thắng

2. Ông Đặng Hoàng Môn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn D, sinh năm 1981 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị T kết hôn năm 2008, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cả hai bên không còn tình cảm yêu thương, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ tháng 7/2015 anh D và chị T sống ly thân cho đến nay. Nay anh D xin ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thị Diễm H, giới tính: nữ, sinh

ngày 18/02/2009 và Phan Thị Thu L, giới tính nữ, sinh ngày 08/3/2012, hiện các con chung sống với anh D, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T để chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh D cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng chị T không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Văn D và chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Diễm H, giới tính: nữ, sinh ngày 18/02/2009 và Phan Thị Thu L, giới tính nữ, sinh ngày 08/3/2012 cho anh D nuôi dưỡng, về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy sự vắng mặt của chị T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn anh D yêu cầu ly hôn với bị đơn chị T và có yêu cầu giải quyết con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Anh D và chị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2008, anh chị chung sống là tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống anh, chị không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết

hôn là vi phạm Điều 11 của Luật hôn nhân và Gia đình 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay anh, chị mâu thuẫn và anh D xin ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 87 (*thụ lý đơn yêu cầu ly hôn*) của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị T.

[4] *Về con chung*: Anh D yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu H và L được chung sống với anh D khi cha mẹ ly hôn, hiện nay anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 92 (*quy định việc trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn*, Điều 94 (*quyền thăm nom con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và Gia đình 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) thống nhất giao cháu Phan Thị Diễm H, giới tính: nữ, sinh ngày 18/02/2009 và Phan Thị Thu L, giới tính nữ, sinh ngày 08/3/2012 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh D không yêu cầu, chị có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không nợ ai nên Tòa án không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn anh D chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 11, Điều 87, Điều 92, Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Văn D và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Diễm H, giới tính: nữ, sinh ngày 18/02/2009 và Phan Thị Thu L, giới tính nữ, sinh ngày 08/3/2012 cho anh D nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị có quyền tới tui chăm sóc, giáo dục

con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không nợ ai nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Phan Văn D chịu 300.000 đ tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002279 ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Anh D không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn anh Phan Văn D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/6/2019). Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng